

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TIẾNG NGA**

1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga định hướng nghiên cứu
2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga định hướng ứng dụng
3. Ngôn ngữ Nga định hướng nghiên cứu
4. Ngôn ngữ Nga định hướng ứng dụng

Chương trình đào tạo chuẩn ĐHQGHN trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN

TIẾNG NGA

MÃ SỐ: 8140111.02NC

(Ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm 2023

của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga

+ Tiếng Anh: Russian Teaching Methodology

- Mã số ngành đào tạo: 8140111.02NC

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Nga

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Russian Teaching Methodology

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga định hướng nghiên cứu này nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Sư phạm tiếng Nga có phẩm chất đạo đức tốt, khả năng thích ứng cao, được cập nhật và nâng cao tri thức về giảng dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ bao gồm phương pháp giảng dạy Tiếng Nga, giảng dạy Tiếng Nga ngành, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình, hiểu về người học, hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa và môi trường dạy học tiếng Nga trong nước và quốc tế, để có khả năng dạy tiếng Nga trong các bối cảnh và lĩnh vực khác nhau.

Sau khi tốt nghiệp chương trình, thạc sỹ chương trình Lý luận và Phương pháp giảng dạy học bộ môn tiếng Nga có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành nhà giáo dục giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu tiếng Nga nói riêng và ngành sư phạm nói chung, những người có thể tạo ra sự thay đổi trong thực hành nghề nghiệp và dẫn dắt, tạo ảnh hưởng trong cộng đồng học thuật trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Cung cấp cho học viên kiến thức khoa học nền tảng và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn và các khoa học sư phạm;

Mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Nga để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tiếng Nga cho các đối tượng người học khác nhau.

Về kỹ năng:

Đào tạo các kỹ năng liên quan tới phương pháp dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là các kỹ năng phục vụ nghiệp vụ giảng dạy Tiếng Nga.

Phát triển kỹ năng xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm để nâng cao hiệu quả dạy học của bản thân và góp phần đưa ra những sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga trong phạm vi trường học và địa phương của mình, trong các điều kiện giảng dạy cụ thể, đối với các đối tượng người học và mục tiêu dạy học cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Xây dựng năng lực học độc lập và học suốt đời, cùng với việc phát triển phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG NGA
(ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
CDR01	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc	x	x		x	x	x				x	x	x	x
CDR02	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x		x			x	x	x	x
CDR03	Chủ động áp dụng các kiến thức khoa học mới, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới vào công việc chuyên môn, chủ động thử nghiệm các giải pháp mới nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia.	x	x		x	x			x		x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / ngành													
CDR04	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Nga, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế,	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG NGA
(ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
	chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.													
CDR05	Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
1.3	Kiến thức của ngành / ngành													
CDR06	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Nga, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.	x	x		x			x	x		x	x	x	
CDR07	Truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
CDR08	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x		x	x	x	
2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng													

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG NGA
(ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
CDR09	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x					x	x	x	x
CDR10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x		x	x		x			x	x	x	x
CDR11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nga tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x
CDR12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x
2.2	Kỹ năng khác													
CDR13	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG NGA
(ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
CDR14	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CDR15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
CDR16	Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CDR17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Nga và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành dạy học tiếng Nga để đạt hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x	x			x		x	x	x	x
4	Về phẩm chất đạo đức													
CDR18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG NGA
(ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
CDR19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
CDR20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

3.2. Ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Nga hoặc Sư phạm tiếng Nga.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Về kinh nghiệm công tác: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
		Kiến thức						Kỹ năng										Tự chủ			
I	Kiến thức chung																				
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x	x	x	x
II	Kiến thức nhóm ngành/ngành																				
II.1	Bắt buộc																				
RUS6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga)					4		4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6006	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6004	Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại			5	4	4	5	5	5	4	5	5		4	5	5	x	x	x	x	x
RUS6009	Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
II.2	Tự chọn																				
RUS6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nga)				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
RUS6003	Ngôn ngữ - văn hóa học Nga			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6008	Ngôn ngữ học tâm lý	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6010	Ngữ dụng học tiếng Nga					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6015	Ngôn ngữ học xã hội	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6013	Lý thuyết tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6016	Các xu thế nghiên cứu ngôn ngữ (tiếng Nga)	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6024	Giao tiếp liên văn hóa			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
PSF6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
		Kiến thức						Kỹ năng									Tự chủ				
LE6001	Giáo dục cách tân				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
LE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
LE6003	Thiết kế cuộc đời				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
III	Kiến thức ngành/ ngành																				
III.1	Bắt buộc																				
RUS6005	Lý luận sách giáo khoa ngoại ngữ tiếng Nga		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x
RUS6025	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học tiếng Nga					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
III.2	Tự chọn																				
RUS6011	Ngôn ngữ học văn bản tiếng Nga hiện đại	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6012	Văn học Nga	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
RUS6014	Ngữ nghĩa học tiếng Nga				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6021	Những vấn đề hình thái học tiếng Nga				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6022	Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6023	Những vấn đề văn phong học tiếng Nga			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6026	Câu phức tiếng Nga-Cấu trúc và ngữ nghĩa			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
IV	Nghiên cứu khoa học																				
IV.1	Chuyên đề nghiên cứu																				

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
		Kiến thức						Kỹ năng									Tự chủ				
SPER6001	Động từ tiếng Nga			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
SPER6002	Ngữ nghĩa mức độ của tính từ trong tiếng Nga				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
SPER6003	Cấu tạo thực từ tiếng Nga				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
SPER6004	Kiểm tra và đánh giá trong dạy-học tiếng Nga	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
SPER6005	Công nghệ số trong dạy học tiếng Nga như một ngoại ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
IV.2	Luận văn thạc sĩ																				
RUS7202	Luận văn thạc sĩ	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- CĐR01. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- CĐR02. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.
- CĐR03. Chủ động áp dụng các kiến thức khoa học mới, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới vào công việc chuyên môn, chủ động thử nghiệm các giải pháp mới nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / ngành

- CĐR04. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Nga, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, trNga luận về chuyên môn.
- CĐR05. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

Kiến thức cơ sở:

- Các trường phái ngôn ngữ học như ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh, ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học tri nhận.

- Các ngành học liên quan đến lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga như ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học xã hội, chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ; dụng học; v.v...
- Kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Nga.

Kiến thức ngành:

- Các lý thuyết về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai;
- Các lý thuyết về quá trình học;
- Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ;
- Lý luận về phương pháp dạy học tiếng Nga và những vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Nga đang được quan tâm trong cộng đồng chuyên môn thế giới;
- Các phương pháp giáo dục giáo viên ngoại ngữ;
- Phát triển chương trình và tài liệu dạy học ngoại ngữ;
- Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ;
- Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Nga.

1.3. Kiến thức của ngành / ngành

- CĐR06. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Nga, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.
- CĐR07. Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..
- CĐR08. Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể trong nghiệp vụ giảng dạy tiếng Nga.

Đề tài của luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực phương pháp dạy học tiếng Nga, thiết kế chương trình dạy tiếng Nga, dạy học các môn ngành bằng tiếng Nga, hoặc kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Nga được Tiểu ban Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Nga của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện đồ án theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ được tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong đồ án phải là kết quả học tập và nghiên cứu mà học viên thu được trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng thực hành có khối lượng khoảng 80 trang A4 (khoảng 20.000 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- CDR09. Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- CĐR10. Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- CĐR11. Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nga tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- CĐR12. Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kỹ năng khác

- CĐR13. Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.
- CĐR14. Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).
- CĐR15. Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CĐR16. Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- CĐR17. Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Nga và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành dạy học tiếng Nga để đạt hiệu quả và tiến độ cao.

4. Về phẩm chất đạo đức

- CĐR18. Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ.

- CĐR19. Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

- CĐR20. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

5.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga định hướng nghiên cứu có thể đảm trách công tác nghiên cứu khoa học, đảm nhận các vị trí công tác giáo viên tiếng Nga nòng cốt ở các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp; giảng viên tiếng Nga tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Nga ngành tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; chuyên viên nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ của Bộ GD&ĐT, các sở, ban GD&ĐT của các địa phương trên cả nước, v.v... Đặc biệt, học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo này có năng lực và điều kiện tốt để học tập và nghiên cứu ở bậc cao hơn và đảm nhận các nhiệm vụ công tác chuyên sâu hơn.

5.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga định hướng nghiên cứu có khả năng thiết kế và thực hiện các

chương trình dạy học tiếng Nga ở các học viện, trường đại học, cao đẳng chuyên và không chuyên tiếng Nga; làm nòng cốt chuyên môn ở các trường phổ thông trung học, trung cấp chuyên nghiệp; đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu cải tiến dạy học tiếng Nga khoa học và ứng dụng chuyên biệt thuộc lĩnh vực phương pháp dạy học tiếng Nga nói riêng và dạy học ngôn ngữ nói chung.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc.
- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Nga.
- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiên sĩ) các ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Nga và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Nga v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

7. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo.

Chương trình 1 - Chương trình đào tạo của Viện Puskin: *Дисциплины, читаемые преподавателями кафедры методики, педагогики и психологии: I. Бакалавриат. II. Магистратура. III. Спецкурсы для магистрантов I курса и слушателей ФПК.*

Chương trình 2 - Chương trình đào tạo của Trường ĐH Sư phạm mang tên Hec-xen: *Магистерская программа Психология развития.*

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

61 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc):

04 tín chỉ

- Khối kiến thức theo nhóm ngành/ngành:

18 tín chỉ

+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>12 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>06 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành/ngành:	09 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>06 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>03 tín chỉ</i>
- Nghiên cứu khoa học	30 tín chỉ
+ Chuyên đề nghiên cứu:	15 tín chỉ
+ Luận văn thạc sĩ:	15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		04				
1	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành/ngành		18				
II.1	Các học phần bắt buộc: 04 học phần		12				
3	RUS6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga) (General Linguistics) (Russian)	3	45	0	0	PHI5002
4	RUS6006	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn (Research Methodology and Dissertation Writing)	3	45	0	0	
5	RUS6004	Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại (Modern Foreign Language Teaching Methodology)	3	45	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
6	RUS6009	Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga (<i>Issues in Russian Lexicology</i>)	3	45	0	0	
II.2	Các học phần tự chọn: 02 học phần		6				
7	RUS6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nga) (<i>Contrastive Linguistics (Russian)</i>)	3	45	0	0	
8	RUS6003	Ngôn ngữ - văn hóa học Nga (<i>Russian Culture-linguistics</i>)	3	45	0	0	
9	RUS6008	Ngôn ngữ học tâm lý (tiếng Nga) (<i>Psycholinguistics (Russian)</i>)	3	45	0	0	
10	RUS6010	Ngữ dụng học tiếng Nga (<i>Russian Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
11	RUS6015	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Nga) (<i>Sociolinguistics (Russian)</i>)	3	45	0	0	
12	RUS6013	Lý thuyết tiếng Nga (<i>Modern Russian Language</i>)	3	45	0	0	
13	RUS6016	Các xu thế nghiên cứu ngôn ngữ (tiếng Nga) (<i>Linguistics Research Tendencies (Russian)</i>)	3	45	0	0	
14	RUS6024	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45	0	0	
15	PSF6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
16	GLE6001	Giáo dục cách tân (<i>Innovative education</i>)	3	45	0	0	
17	GLE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
18	GLE6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Designing Your Life</i>)	3	45	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III	Khối kiến thức ngành/ngành		9				
III.1	Các học phần bắt buộc: 02 học phần		6				
19	RUS6005	Lý luận sách giáo khoa ngoại ngữ tiếng Nga (Russian Foreign Language Textbook Theory)	3	45	0	0	
20	RUS6025	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học tiếng Nga (Technology in Russian Teaching)	3	45	0	0	
III.2	Các học phần tự chọn: 01 học phần		3				
21	RUS6011	Ngôn ngữ học văn bản tiếng Nga hiện đại (Modern Russian Discourse Analysis)	3	45	0	0	
22	RUS6012	Văn học Nga (Russian Literature)	3	45	0	0	
23	RUS6014	Ngữ nghĩa học tiếng Nga (Russian Semantics)	3	45	0	0	
24	RUS6021	Những vấn đề hình thái học tiếng Nga (Issues in Russian morphology)	3	45	0	0	
25	RUS6022	Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga (Issues in Russian Syntax)	3	45	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
26	RUS6023	Những vấn đề văn phong học tiếng Nga (<i>Russian Stylistics issues</i>)	3	45	0	0	
27	RUS6026	Câu phức tiếng Nga-Cấu trúc và ngữ nghĩa (<i>Russian complex sentence: Structure and meaning</i>)	3	45	0	0	
IV		Nghiên cứu khoa học	30				
IV.1		Chuyên đề nghiên cứu (05 chuyên đề)	15				
28	STR6001	Động từ tiếng Nga (<i>Russian verbs</i>)	3	3	45	0	
29	STR6002	Ngữ nghĩa mức độ của tính từ trong tiếng Nga (<i>Gradual semantics of Russian adjectives</i>)	3	3	45	0	
30	STR6003	Cấu tạo thực từ tiếng Nga (<i>Russian content word formation</i>)	3	3	45	0	
31	STR6004	Kiểm tra và đánh giá dạy-học tiếng Nga (<i>Testing in teaching Russian as a foreign language</i>)	3	3	45	0	
32	STR6005	Công nghệ số trong dạy học tiếng Nga như một ngoại ngữ (<i>Digital technology in teaching Russian as a foreign language</i>)	3	3	45	0	
IV.2		Luận văn thạc sĩ	15				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
33	RUS7202	Luận văn thạc sĩ	15				
		Tổng cộng	61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN

TIẾNG NGA

MÃ SỐ: 8140111.02UD

*(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga

+ Tiếng Nga: Russian Teaching Methodology

- Mã số ngành đào tạo: 8140111.02UD

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Nga

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga

+ Tiếng Nga: The Degree of Master in Russian Teaching Methodology

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga định hướng ứng dụng đặt trọng tâm đào tạo vào việc bồi dưỡng nghiệp vụ dạy các kỹ năng tiếng Nga, dạy các ngữ liệu tiếng Nga, dạy tiếng Nga theo các đường hướng giáo dục hiện đại, dạy kiến thức văn hóa và văn học các nước nói tiếng Nga, dạy tiếng Nga ngành, ứng dụng công nghệ hiện đại trong giảng dạy tiếng Nga, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Nga, thiết kế chương trình dạy học tiếng Nga, v.v...

Sau khi tốt nghiệp chương trình, thạc sĩ chương trình Lý luận và Phương pháp giảng dạy học bộ môn tiếng Nga có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành nhà giáo dục giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu tiếng Nga nói riêng và ngành sư phạm nói chung, những người có thể tạo ra sự thay đổi trong thực hành nghề nghiệp và dẫn dắt, tạo ảnh hưởng trong cộng đồng học thuật trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Cung cấp kiến thức đại cương về các khoa học ngôn ngữ và các khoa học sư phạm;

Mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Nga để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tiếng Nga cho các đối tượng người học khác nhau.

Về kỹ năng:

Đào tạo các kỹ năng liên quan tới phương pháp dạy học ngoại ngữ, đặt biệt là các kỹ năng phục vụ nghiệp vụ giảng dạy Tiếng Nga.

Phát triển kỹ năng xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm để nâng cao hiệu quả dạy học của bản thân và góp phần đưa ra những sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga trong phạm vi trường học và địa phương của mình, trong các điều kiện giảng dạy cụ thể, đối với các đối tượng người học và mục tiêu dạy học cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Xây dựng năng lực học độc lập và học suốt đời, cùng với việc phát triển phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Xây dựng cho học viên có phẩm chất đặc trưng của học viên ULIS: Là người học hạnh phúc; Đam mê khám phá tri thức mới; Quan tâm đến kết nối và phục vụ cộng đồng; Sáng tạo trong giải quyết vấn đề; Chủ động, tập trung trong quá trình học tập, nghiên cứu; Hiệu quả trong quản lý thời gian; Thích ứng nhanh với những thay đổi trong các môi trường học tập, nghiên cứu và làm việc khác nhau.

MA TRẬN CĐR CTĐT TRONG MÔI TƯỜNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẠC 7)
NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG NGA
(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm					
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
CDR01	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc	x	x		x	x	x				x	x	x	x
CDR02	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x					x	x	x	x
CDR03	Vận dụng tổng hợp được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức ngành và liên ngành để rút ra nguyên tắc, quy luật trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn có giá trị; có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến trong việc tổ chức nghiên cứu đề tài luận án cũng như đề hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / ngành													

CĐR04	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Nga, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
CĐR05	Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
1.3	Kiến thức của ngành / ngành													
CĐR06	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Nga, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.	x	x		x			x	x		x	x	x	
CĐR07	Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
CĐR08	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x		x	x	x	
2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
CĐR09	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều	x	x		x	x					x	x	x	x

	phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;													
CĐR10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x		x	x		x			x	x	x	x
CĐR11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nga tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x
CĐR12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.									x	x	x	x	x
CĐR13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
2.2	Kỹ năng khác													
CĐR14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x
CĐR15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
											x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													

CĐR16	Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CĐR17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Nga và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành dạy học tiếng Nga để đạt hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
4	Về phẩm chất đạo đức													
CĐR 18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CĐR 19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CĐR 20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Nga

3.2. Ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Nga hoặc Sư phạm tiếng Nga.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu

yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Về kinh nghiệm công tác: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
		Kiến thức						Kỹ năng									Tự chủ				
I	Kiến thức chung																				
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	5	5	5	5	5
II	Kiến thức nhóm ngành/ngành																				
II.1	Bắt buộc																				
RUS6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga)					4		4	4	4		5		4	4	4	5	5	5	5	5
RUS6006	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
RUS6004	Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại			5	4	4	5	5	5	4	5	5		4	5	5	x	x	x	x	x
RUS6009	Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6024	Giao tiếp liên văn hóa			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
II.2	Tự chọn																				
RUS6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nga)				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
RUS6003	Ngôn ngữ - văn hóa học Nga			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6008	Ngôn ngữ học tâm lý	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6010	Ngữ dụng học tiếng Nga					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6013	Lý thuyết tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6015	Ngôn ngữ học xã hội	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6016	Các xu thế nghiên cứu ngôn ngữ	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
PSF6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
LE6001	Giáo dục cách tân				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
LE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
		Kiến thức						Kỹ năng									Tự chủ				
LE6003	Thiết kế cuộc đời				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
III	Kiến thức ngành/ ngành																				
III.1	Bắt buộc																				
RUS6005	Lý luận sách giáo khoa ngoại ngữ tiếng Nga		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x
RUS6025	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học tiếng Nga					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6022	Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
III.2	Tự chọn																				
RUS6011	Ngôn ngữ học văn bản tiếng Nga hiện đại	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6012	Văn học Nga	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
RUS6014	Ngữ nghĩa học tiếng Nga				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6021	Những vấn đề hình thái học tiếng Nga				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6026	Câu phức tiếng Nga-Cấu trúc và ngữ nghĩa			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
IV	Thực tập																				
PRM 6003	Thực tập SP 1	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5
PRM 6004	Thực tập SP 2	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5
V	Đồ án tốt nghiệp																				
RUS7202	HP tốt nghiệp / Đồ án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- CĐR 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- CĐR 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / ngành

- CĐR 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Nga, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, trNga luận về chuyên môn.
- CĐR 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.
- CĐR 5. Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ.

Kiến thức cơ sở:

- Các trường phái ngôn ngữ học như ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh, ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học tri nhận.
- Các ngành học liên quan đến lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga như ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học xã hội, chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ; dụng học; v.v...

- Kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Nga.

Kiến thức ngành:

- Các lý thuyết về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai;
- Các lý thuyết về quá trình học;
- Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ;
- Lý luận về phương pháp dạy học tiếng Nga và những vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Nga đang được quan tâm trong cộng đồng chuyên môn thế giới;
- Các phương pháp giáo dục giáo viên ngoại ngữ;
- Phát triển chương trình và tài liệu dạy học ngoại ngữ;
- Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ;
- Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Nga.

1.3. Kiến thức của ngành / ngành

- CDR 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Nga, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.
- CDR 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..
- CDR 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với đồ án

Đồ án tốt nghiệp trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể trong nghiệp vụ giảng dạy tiếng Nga.

Đề tài của đồ án là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực phương pháp dạy học tiếng Nga, thiết kế chương trình dạy tiếng Nga, dạy học các môn ngành bằng tiếng Nga, hoặc kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Nga được Tiểu ban Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Nga của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện đồ án theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của đồ án phải chứng tỏ được tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong đồ án phải là kết quả học tập và nghiên cứu mà học viên thu được trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng thực hành có khối lượng khoảng 50 trang A4 (khoảng 12.500 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn (*Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng, nghiên cứu, đánh giá phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo...*)

- CDR 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;
- CDR 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- CDR 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nga tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- CDR 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

- CDR 13: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

2.2. Kỹ năng khác

- CDR 14: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

- CDR 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CDR 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- CDR 17: Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Nga và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành dạy học tiếng Nga để đạt hiệu quả và tiến độ cao.

4. Về phẩm chất đạo đức

- CDR 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ.

- CDR 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

- CDR 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc.
- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Nga.
- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Nga và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Nga v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo.

1. Chương trình đào tạo của Viện tiếng Nga Quốc gia LB Nga mang tên Puskin: *Дисциплины, читаемые преподавателями кафедры методики, педагогики и психологии: I. Бакалавриат. II. Магистратура. III. Спецкурсы для магистрантов I курса и слушателей ФПК.*
2. Chương trình đào tạo của Trường ĐH Sư phạm mang tên Неч-хен: *Магистерская программа Психология развития.*

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	61 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	04 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành/ngành:	27 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	<i>15 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i> :	<i>12 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành/ngành:	21 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	<i>09 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i> :	<i>06 tín chỉ</i>
+ <i>Thực tập</i> :	<i>06 tín chỉ</i>
- Đồ án tốt nghiệp:	09 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết <i>t</i>	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		04				
1	PHI5001	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành/ngành		27				
II.1	Các học phần bắt buộc: 05 học phần		15				
3	RUS6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga) (General Linguistics (Russian))	3	45	0	0	PHI5001
4	RUS6006	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn (Research Methodology and Dissertation Writing)	3	45	0	0	
5	RUS6004	Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại (Modern Foreign Language Teaching Methodology)	3	45	0	0	
6	RUS6009	Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga (Issues in Russian Lexicology)	3	45	0	0	
7	RUS6024	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	45	0	0	
II.2	Các học phần tự chọn: 04 học phần		12				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
8	RUS6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nga) (Contrastive Linguistics (Russian))	3	45	0	0	
9	RUS6003	Ngôn ngữ - văn hóa học Nga (Russian Culture-linguistics)	3	45	0	0	
10	RUS6008	Ngôn ngữ học tâm lý (tiếng Nga) (Psycholinguistics (Russian))	3	45	0	0	
11	RUS6010	Ngữ dụng học tiếng Nga (Russian Pragmatics)	3	45	0	0	
12	RUS6013	Lý thuyết tiếng Nga (Modern Russian Language)	3	45	0	0	
13	RUS6015	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Nga) (Sociolinguistics (Russian))	3	45	0	0	
14	RUS6016	Các xu thế nghiên cứu ngôn ngữ (tiếng Nga) (Linguistics Research Tendencies (Russian))	3	45	0	0	
15	PSF6001		3	45	0	0	
16	GLE6001	Giáo dục cách tân (<i>Innovative education</i>)	3	45	0	0	
17	GLE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
18	GLE6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Designing Your Life</i>)	3	45	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III	Khối kiến thức ngành/ngành		15				
III.1	Các học phần bắt buộc: 03 học phần		9				
19	RUS6005	Lý luận sách giáo khoa ngoại ngữ tiếng Nga (Russian Foreign Language Textbook Theory)	3	45	0	0	
20	RUS6025	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học tiếng Nga (Technology in Russian Teaching)	3	45	0	0	
21	RUS6022	Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga	3	45	0	0	
III.2	Các học phần tự chọn: 02 học phần		6				
22	RUS6011	Ngôn ngữ học văn bản tiếng Nga hiện đại (Modern Russian Discourse Analysis)	3	45	0	0	
23	RUS6012	Văn học Nga (Russian Literature)	3	45	0	0	
24	RUS6014	Ngữ nghĩa học tiếng Nga (Russian Semantics)	3	45	0	0	
25	RUS6021	Những vấn đề hình thái học tiếng Nga (Issues in Russian morphology)	3	45	0	0	
26	RUS6026	Câu phức tiếng Nga - Cấu trúc và ngữ nghĩa (Russian Compound Syntaxes - Structure and meaning)	3	45	0	0	
IV	Thực tập sư phạm		06				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
27	PRM6003	Thực tập sư phạm 1	3				
28	PRM6004	Thực tập sư phạm 2	3				
V	RUS7202	Học phần tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp <i>(MA Graduation Course/Project)</i>	09				
		Tổng cộng	61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: NGÔN NGỮ NGA

MÃ SỐ: 8220202NC

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN, ngày tháng năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Nga

Tiếng Anh: Russian Linguistics

- Mã số ngành đào tạo: 8220202NC

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Nga

Tiếng Anh: The Degree of Master in Russian Linguistics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Nga định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo vào việc tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Nga và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Nga và các nước nói tiếng Nga để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn có liên quan đến Ngôn ngữ học Nga trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học-kỹ thuật, kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng của đất nước; có các năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm (kỹ năng

giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Nga (lý thuyết ngữ pháp, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, ngữ âm học, phân tích diễn ngôn, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học tâm lý, v.v...); mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Nga (giao tiếp giao văn hóa, giao tiếp liên văn hóa, giao tiếp xuyên văn hóa, tiếng Nga, đất nước học, v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể có liên quan đến Ngôn ngữ học Nga như cán bộ đối ngoại, cán bộ quản lý, phụ trách, cán bộ giảng dạy, biên dịch viên, phiên dịch viên, chuyên viên tư vấn, phóng viên, biên tập viên trong các cơ quan ban ngành từ trung ương đến địa phương, trong các ngành khoa học, trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, các nhà xuất bản ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, trong ngành báo chí truyền thông, các công ty tổ chức sự kiện, các nhà sản xuất phim ảnh, các cơ sở đào tạo tiếng Nga và Quốc tế học...

Về kỹ năng: Chương trình đào tạo các kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu về ngôn ngữ học Nga trong các công việc cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề, kỹ năng xử lý thông tin có liên quan đến vị trí công việc đang đảm nhận, kỹ năng biên, phiên dịch, kỹ năng biên tập trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, kỹ năng thiết kế hệ thống nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin thông qua việc sử dụng các thiết bị và nguồn cung cấp thông tin phù hợp, kỹ năng lập thư mục và danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu lưu trữ, và các nguồn cung cấp thông tin khác, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

Về nghiên cứu: Chương trình đào tạo xây dựng khả năng vận dụng kiến thức về các đường hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu phù hợp để bước đầu độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc nghiệp vụ của bản thân như biên dịch, phiên dịch, biên tập, tư vấn, quản lý, giảng dạy, tổ chức; có năng lực nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Nga-Việt, nghiên cứu sự phát triển tiếng Nga, nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Nga...

Về phẩm chất chính trị: Chương trình góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

MA TRẬN CĐR CTĐT THẠC SỸ TRONG MÔI TƯỞNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
NGÀNH: NGÔN NGỮ NGA (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã CĐR	Nội dung CĐR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Về kiến thức													
1.1.	Kiến thức chung													
CĐR01	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức cơ sở và NGÀNH trong học tập và công việc trên cơ sở nắm vững các kiến thức nền tảng chung về triết học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước.	x	x		x	x				x	x	x	x	x
CĐR02	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
CĐR03	Chủ động áp dụng các kiến thức khoa học mới, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới vào công việc chuyên môn, chủ động thử nghiệm các giải pháp mới nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia.	x	x		x	x			x		x	x	x	x
1.2.	Kiến thức nhóm ngành													
CĐR04	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức về văn hóa, văn học Nga, giao tiếp liên văn hóa vào các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn cũng như các hoạt động nghề nghiệp khác.	x	x		x			x			x	x	x	x
CĐR05	Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong học tập và công việc trên cơ sở nắm vững kiến thức cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, giáo dục học...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn, các hiện tượng xã hội và cuộc sống.	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x
CĐR06	Vận dụng chính xác và hiệu quả kiến thức chuyên sâu về bản chất, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ, các kiến thức cơ bản về ngữ	x	x		x	x		x			x	x	x	x

	âm, từ vựng, ngữ pháp, văn phong để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.													
1.3.	Kiến thức ngành													
CĐR07	Vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ để phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ hay các việc liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x
CĐR08	Nắm vững một cách có hệ thống, hiểu sâu, chính xác và vận dụng sáng tạo kiến thức NGÀNH để có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự phát hiện tại các diễn đàn khoa học (KH), tới đông đảo độc giả và người học; có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin KH mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới v.v.	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x
2	Về kỹ năng													
2.1.	Kỹ năng nghề nghiệp													
CĐR09	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo.	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x
CĐR10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
CĐR11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nga tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x			x	x		x		x	x	x	x	x
CĐR12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
CĐR13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x

	nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).													
2.2.	Kỹ năng khác													
CĐR14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
CĐR15	Khai thác, vận dụng sáng tạo các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về năng lực tự chủ và trách nhiệm													
CĐR16	Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
CĐR17	Có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn của mình.	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
4	Về phẩm chất đạo đức													
CĐR18	Về phẩm chất đạo đức cá nhân: tự tin, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; sáng tạo, say mê trong công việc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
CĐR19	Về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, trách nhiệm và chuyên nghiệp trong công việc; biết ứng xử, hợp tác và cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức phát triển kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp (CM-NN), làm chủ quá trình phát triển CM-NN của bản thân, biết đặt ra những mục tiêu thiết thực và khả thi cho quá trình phát triển CM-	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

	NN và khả năng được tuyển dụng của bản thân; có hiểu biết về cơ hội phát triển nghề nghiệp trong và ngoài cộng đồng học thuật và nghiên cứu; có khả năng quảng bá bản thân trong quá trình xin việc.													
CĐR20	Về phẩm chất đạo đức xã hội: xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Nga

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Nga

chấp nhận.

3.2. NGÀNH đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Nga hoặc Sư phạm tiếng Nga.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng

tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Về kinh nghiệm công tác: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Kiến thức chung																				
PHI5002	Triết học	4	4							4					4	4	x	x	x	x	x
II	Kiến thức nhóm ngành																				
II.1	Bắt buộc																				
RUS6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga)				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nga)				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6006	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn				4	4	4			4				4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6010	Ngữ dụng học tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
II.2	Tự chọn																				
RUS6021	Những vấn đề hình thái học tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6023	Những vấn đề văn phong học tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6013	Lý thuyết tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6015	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Nga)				4	4				4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6016	Các xu thế nghiên cứu ngôn ngữ (tiếng Nga)				4	4	4			4		4		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6011	Ngôn ngữ học văn bản tiếng Nga hiện đại				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6017	Những vấn đề cấu tạo từ tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6024	Giao tiếp liên văn hóa				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6025	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học tiếng Nga				4	4				4		4			5	5	x	x	x	x	x
RUS6012	Văn học Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6014	Ngữ nghĩa học tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
PSF6001	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
LE6001	Giáo dục cách tân				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
LE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x

LE6003	Thiết kế cuộc đời				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
III	Kiến thức ngành																				
III.1	Bắt buộc																				
RUS6022	Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6009	Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
III.2	Tự chọn																				
RUS6026	Câu phức tiếng Nga - Cấu trúc và ngữ nghĩa						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6004	Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại							4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6008	Ngôn ngữ học tâm lý (tiếng Nga)								4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6005	Lý luận sách giáo khoa ngoại ngữ tiếng Nga							4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6003	Ngôn ngữ - văn hóa học Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
IV	Nghiên cứu khoa học																				
IV.1	Chuyên đề nghiên cứu																				
SPER6001	Động từ tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
SPER6002	Ngữ nghĩa mức độ của tính từ trong tiếng Nga							4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x
SPER6003	Cấu tạo thực từ tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
SPER6004	Kiểm tra và đánh giá dạy-học tiếng Nga						4	4	4	4		4			5	5	x	x	x	x	x
SPER6005	Công nghệ số trong dạy học tiếng Nga như một ngoại ngữ							4	4	4	4		4			5	5	x	x	x	x
IV.2	Luận văn thạc sĩ	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		5	5	5	x	x	x	x	x

B. Chuẩn đầu ra

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

CĐR01: Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức cơ sở và ngành trong học tập và công việc trên cơ sở nắm vững các kiến thức nền tảng chung về triết học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước.

CĐR02: Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

CĐR03: Chủ động áp dụng các kiến thức khoa học mới, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới vào công việc chuyên môn, chủ động thử nghiệm các giải pháp mới nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia.

1.2. Kiến thức nhóm ngành

CĐR04: Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức về văn hóa, văn học Nga, giao tiếp liên văn hóa vào các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn cũng như các hoạt động nghề nghiệp khác.

CĐR05: Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong học tập và công việc trên cơ sở nắm vững kiến thức cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, giáo dục học...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn, các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

CĐR06: Vận dụng chính xác và hiệu quả kiến thức chuyên sâu về bản chất, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ, các kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn phong để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

Cụ thể:

Kiến thức nhóm ngành:

- Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga) (General Linguistics (Russian))
- Ngôn ngữ - văn hóa học Nga (Russian Culture-linguistics)

- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn (Research - Methodology and Dissertation Writing)
- Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga (Russian Lexicology Issues)
- Ngữ dụng học tiếng Nga (Russian Pragmatics)
- Văn học Nga (Russian Literature)
- Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga (Russian Syntax Issues)
- Ngữ nghĩa học tiếng Nga (Russian Semantics)

Ngoài ra, học viên có thêm kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với NGÀNH Ngôn ngữ Nga.

Kiến thức ngành:

- Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Nga;
- Ngữ pháp tiếng Nga;
- Đối chiếu ngôn ngữ Nga-Việt v.v.;
- Văn học Nga;
- Văn hóa Nga;
- Giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Nga về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, giáo dục v.v.

1.3. Kiến thức ngành

CDR07: Vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ để phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ hay các việc liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ.

CDR08: Nắm vững một cách có hệ thống, hiểu sâu, chính xác và vận dụng sáng tạo kiến thức ngành để có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học; có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới v.v.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Nga định hướng nghiên cứu là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học Nga trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ...

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ Nga, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Nga hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Nga của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ Nga và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ chương trình đào tạo nghiên cứu có khối lượng khoảng 80 trang A4 (khoảng 20.000 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

CDR09: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

CDR10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.

CDR11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nga tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

CDR12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

CDR13: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

2.2. Kỹ năng khác

CDR14: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

CDR15: Khai thác, vận dụng sáng tạo các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CDR16: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;

CDR17: Có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn của mình.

4. Về phẩm chất đạo đức

CDR18: Về phẩm chất đạo đức cá nhân: tự tin, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; sáng tạo, say mê trong công việc.

CDR19: Về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, trách nhiệm và chuyên nghiệp trong công việc; biết ứng xử, hợp tác và cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức phát triển kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp, làm chủ quá trình phát triển chuyên môn, nghề nghiệp của bản thân, biết đặt ra những mục tiêu thiết thực và khả thi cho quá trình phát triển chuyên môn và nghề nghiệp và khả năng được tuyển dụng của bản thân; có hiểu biết về cơ hội phát triển nghề nghiệp trong và ngoài cộng đồng học thuật và nghiên cứu; có khả năng quảng bá bản thân trong quá trình xin việc.

CDR20: Về phẩm chất đạo đức xã hội: xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.

5. Những vị trí công tác học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Nga định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học Nga như chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Nga tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Nga làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Nga và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện...

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Nga định hướng nghiên cứu có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học Nga như biên dịch tiếng Nga, phiên dịch tiếng Nga, thiết kế ứng dụng dịch máy, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng...

7. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo của Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Matx-cơ-va mang tên Lô-mô-nô-xốp. (ОБРАЗОВАТЕЛЬНЫЙ СТАНДАРТ, самостоятельно устанавливаемый Московским государственным университетом имени М.В. Ломоносова для реализуемых образовательных программ высшего профессионального образования по направлению подготовки магистров «Фундаментальная и прикладная лингвистика». Квалификация (степень) «магистр»).

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung bắt buộc: **04 tín chỉ**

- Khối kiến thức theo nhóm ngành: **18 tín chỉ**

- Bắt buộc: 12 tín chỉ

- Lựa chọn: 06 tín chỉ

- Khối kiến thức theo ngành: **09 tín chỉ**

- Bắt buộc: 06 tín chỉ

- Lựa chọn: 03 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học: **30 tín chỉ**

- Chuyên đề nghiên cứu: 15 tín chỉ

- Luận văn: 15 tín chỉ

2. Khung chương trình:

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành		18				
II.1	Các học phần bắt buộc: 04 học phần		12				
2.	RUS6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga) (General Linguistics (Russian))	3	45	0	0	PHI5002
3.	RUS6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nga) (Contrastive Linguistics (Russian))	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
4.	RUS6006	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn (<i>Research Methodology and Dissertation Writing</i>)	3	45	0	0	
5.	RUS6010	Ngữ dụng học tiếng Nga (<i>Russian Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
II.2	Các học phần tự chọn: 02 học phần		6/33				
6.	RUS6021	Những vấn đề hình thái học tiếng Nga (<i>Issues in Russian morphology</i>)	3	45	0	0	
7.	RUS6023	Những vấn đề văn phong học tiếng Nga (<i>Russian Stylistics issues</i>)	3	45	0	0	
8.	RUS6013	Lý thuyết tiếng Nga (<i>Modern Russian Language</i>)	3	45	0	0	
9.	RUS6015	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Nga) (<i>Sociolinguistics (Russian)</i>)	3	45	0	0	
10.	RUS6016	Các xu thế nghiên cứu ngôn ngữ (tiếng Nga) (<i>Linguistics Research Tendencies (Russian)</i>)	3	45	0	0	
11.	RUS6011	Ngôn ngữ học văn bản tiếng Nga hiện đại (<i>Modern Russian Discourse Analysis</i>)	3	45	0	0	
12.	RUS6017	Những vấn đề cấu tạo từ tiếng Nga (<i>Issues in Russian word formation</i>)	3	45	0	0	
13.	RUS6024	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14.	RUS6025	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học tiếng Nga (<i>Technology in Russian Teaching</i>)	3	45	0	0	
15.	RUS6012	Văn học Nga (Russian Literature)	3	45	0	0	
16.	RUS6014	Ngữ nghĩa học tiếng Nga (<i>Russian Semantics</i>)	3	45	0	0	
17.	PSF6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
18.	GLE6001	Giáo dục cách tân (<i>Innovative education</i>)	3	45	0	0	
19.	GLE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
20.	GLE6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your life</i>)	3	45	0	0	
III	Khối kiến thức theo ngành		9				
III.1	Các học phần bắt buộc: 02 học phần		6				
21.	RUS6022	Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga (<i>Russian Syntax issues</i>)	3	45	0	0	
22.	RUS6009	Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga (<i>Issues in Russian Lexicology</i>)	3	45	0	0	
III.2	Các học phần tự chọn: 01 học phần		3/15				
23.	RUS6026	Câu phức tiếng Nga - Cấu trúc và ngữ nghĩa (<i>Russian Compound Syntaxes - Structure and meaning</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
24.	RUS6004	Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại (<i>Modern Foreign Language Teaching Methodology</i>)	3	45	0	0	
25.	RUS6008	Ngôn ngữ học tâm lý (tiếng Nga) (<i>Psycholinguistics (Russian)</i>)	3	45	0	0	
26.	RUS6005	Lý luận sách giáo khoa ngoại ngữ tiếng Nga (<i>Russian Foreign Language Textbook Theory</i>)	3	45	0	0	
27.	RUS6003	Ngôn ngữ - văn hóa học Nga (<i>Russian Culture-linguistics</i>)	3	45	0	0	
IV	Nghiên cứu khoa học		30				
IV.1	Chuyên đề nghiên cứu (5 chuyên đề)		15/15				
28.	STR6001	Động từ tiếng Nga (<i>Russian verbs</i>)	3				
29.	STR6002	Ngữ nghĩa mức độ của tính từ trong tiếng Nga (<i>Gradual semantics of Russian adjectives</i>)	3				
30.	STR6003	Cấu tạo thực từ tiếng Nga (<i>Russian content word formation</i>)	3				
31.	STR6004	Kiểm tra và đánh giá dạy-học tiếng Nga (<i>Testing in teaching Russian as a foreign language</i>)	3				

<i>TT</i>	<i>Mã số học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Số giờ tín chỉ</i>			<i>Mã số các học phần tiên quyết</i>
				<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Tự học</i>	
32.	STR6005	Công nghệ số trong dạy học tiếng Nga như một ngoại ngữ (<i>Digital technology in teaching Russian as a foreign language</i>)	3				
IV.2		Luận văn thạc sĩ	15				
		Tổng cộng	61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

ĐỊNH HƯỚNG : ỨNG DỤNG

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ NGA

MÃ SỐ: 60220202UD

(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

-Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Nga.

+ Tiếng Anh: Russian Linguistics

-Mã số chuyên ngành đào tạo: 8220202UD

-Tên ngành đào tạo:

+Tiếng Việt: *Ngôn ngữ Nga*

+Tiếng Anh: Russian Linguistics

-Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

-Tên văn bằng tốt nghiệp:

+Tiếng Việt: Thạc sỹ Ngôn ngữ Nga

+Tiếng Anh: The Degree of Master in Russian Linguistics

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nga định hướng ứng dụng đặt trọng tâm đào tạo vào việc tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Nga và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Nga và các nước nói tiếng Nga để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn có liên quan đến Ngôn ngữ học Nga trong các phạm vi và

điều kiện công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học-kỹ thuật, kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng của đất nước; có các năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Nga (lý thuyết ngữ pháp, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, ngữ âm học, phân tích diễn ngôn, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học tâm lý, v.v...); mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Nga (giao tiếp giao văn hóa, giao tiếp liên văn hóa, giao tiếp xuyên văn hóa, tiếng Nga chuyên ngành, đất nước học, v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể có liên quan đến Ngôn ngữ học Nga như cán bộ đối ngoại, cán bộ quản lý, phụ trách, cán bộ giảng dạy, biên dịch viên, phiên dịch viên, chuyên viên tư vấn, phóng viên, biên tập viên, ..., trong các cơ quan ban ngành từ trung ương đến địa phương, trong các ngành khoa học, trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, các nhà xuất bản ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, trong ngành báo chí truyền thông, các công ty tổ chức sự kiện, các nhà sản xuất phim ảnh, các cơ sở đào tạo tiếng Nga và Quốc tế học, ...

Về kỹ năng: Chương trình đào tạo các các kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu về ngôn ngữ học Nga trong các công việc cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề, kỹ năng xử lý thông tin có liên quan đến vị trí công việc đang đảm nhận, kỹ năng biên, phiên dịch, kỹ năng biên tập trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, kỹ năng thiết kế hệ thống nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin thông qua việc sử dụng các thiết bị và nguồn cung cấp thông tin phù hợp, kỹ năng lập thư mục và danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu lưu trữ, và các nguồn cung cấp thông tin khác, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

Về nghiên cứu: Học viên tốt nghiệp biết vận dụng kiến thức về các đường hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu phù hợp để bước đầu độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc nghiệp vụ của bản thân như biên dịch, phiên dịch, biên tập, tư

vấn, quản lí, giảng dạy, tổ chức; có năng lực nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Nga-Việt, nghiên cứu sự phát triển tiếng Nga, nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Nga để ứng dụng trong dịch máy và các ứng dụng khác tại Việt Nam.

Về phẩm chất chính trị: Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

MA TRẬN CDR CTĐT THẠC SỸ TRONG MÔI TƯỞNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ NGA (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Về kiến thức													
1.1.	Kiến thức chung													
CDR01	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong học tập và công việc trên cơ sở nắm vững các kiến thức nền tảng chung về triết học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước.	x	x		x	x				x	x	x	x	x
CDR02	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
CDR03	Chủ động áp dụng các kiến thức khoa học mới, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới vào công việc chuyên môn, chủ động thử nghiệm các giải pháp mới nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia.	x	x		x	x			x		x	x	x	x
1.2.														
CDR04	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức về văn hóa, văn học Nga, giao tiếp liên văn hóa vào các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn cũng như các hoạt động nghề nghiệp khác.	x	x		x			x			x	x	x	x
CDR05	Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong học tập và công việc trên cơ sở nắm vững kiến thức cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, giáo dục học...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn, các hiện tượng xã hội và cuộc sống.	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x
CDR06	Vận dụng chính xác và hiệu quả kiến thức chuyên sâu về bản chất, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ, các kiến thức cơ bản về ngữ	x	x		x	x		x			x	x	x	x

	âm, từ vựng, ngữ pháp, văn phong để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.													
1.3.	Kiến thức ngành/ chuyên ngành													
CĐR07	Vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ để phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ hay các việc liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x
CĐR08	Nắm vững một cách có hệ thống, hiểu sâu, chính xác và vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên ngành để có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự phát hiện tại các diễn đàn khoa học (KH), tới đông đảo độc giả và người học; có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin KH mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới v.v.	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x
2	Về kỹ năng													
2.1.	Kỹ năng nghề nghiệp													
CĐR09	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo.	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x
CĐR10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
CĐR11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nga tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x			x	x		x		x	x	x	x	x
CĐR12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.							x		x	x	x	x	x
CĐR13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x

	nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).													
2.2.	Kỹ năng khác													
CĐR14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
CĐR15	Khai thác, vận dụng sáng tạo các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về năng lực tự chủ và trách nhiệm													
CĐR16	Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
CĐR17	Có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn của mình.	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
4	Về phẩm chất đạo đức													
CĐR18	Về phẩm chất đạo đức cá nhân: tự tin, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; sáng tạo, say mê trong công việc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
CĐR19	Về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, trách nhiệm và chuyên nghiệp trong công việc; biết ứng xử, hợp tác và cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức phát triển kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp (CM-NN), làm chủ quá trình phát triển CM-NN của bản thân, biết đặt ra những mục tiêu thiết thực và khả thi cho quá trình phát triển CM-	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

	NN và khả năng được tuyển dụng của bản thân; có hiểu biết về cơ hội phát triển nghề nghiệp trong và ngoài cộng đồng học thuật và nghiên cứu; có khả năng quảng bá bản thân trong quá trình xin việc.													
CĐR20	Về phẩm chất đạo đức xã hội: xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Nga

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Nga

+ Có năng lực ngoại ngữ thứ hai đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tương đương từ bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) được Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN chấp nhận.

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Nga hoặc Sư phạm tiếng Nga.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Về kinh nghiệm công tác: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Kiến thức chung																				
PHI5002	Triết học	4	4							4					4	4	x	x	x	x	x
II	Kiến thức nhóm ngành/chuyên ngành																				
II.1	Bắt buộc																				
RUS6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga)				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nga)				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6003	Ngôn ngữ - văn hóa học Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6009	Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6022	Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
II.2	Tự chọn																				
RUS6013	Lý thuyết tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6015	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Nga)				4	4				4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6016	Các xu thế nghiên cứu ngôn ngữ (tiếng Nga)				4	4	4			4		4		4	4	4	x	x	x	x	x
RUS6011	Ngôn ngữ học văn bản tiếng Nga hiện đại				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6017	Những vấn đề cấu tạo từ tiếng Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6024	Giao tiếp liên văn hóa				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6025	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học tiếng Nga				4	4				4		4			5	5	x	x	x	x	x
RUS6012	Văn học Nga				4	4	4			4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6006	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn				4	4	4			4				4	4	4	x	x	x	x	x
PSF6001	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
LE6001	Giáo dục cách tân				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
LE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x

LE6003	Thiết kế cuộc đời				4	4				4					4	4	x	x	x	x	x
III	Kiến thức ngành/ chuyên ngành																				
III.1	Bắt buộc																				
RUS6010	Ngữ dụng học tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6014	Ngữ nghĩa học tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6023	Những vấn đề văn phong học tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
III.2	Tự chọn																				
RUS6004	Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại							4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6008	Ngôn ngữ học tâm lý (tiếng Nga)								4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6005	Lý luận sách giáo khoa ngoại ngữ tiếng Nga							4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6021	Những vấn đề hình thái học tiếng Nga						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
RUS6026	Câu phức tiếng Nga - Cấu trúc và ngữ nghĩa						4	4	4	4		4			4	4	x	x	x	x	x
IV	Thực tập																				
PRL6001	Thực tập 1	4	4		4	4	4	4	4	4		4			5	5	x	x	x	x	x
PRL6002	Thực tập 2	4	4		4	4	4	4	4	4		4			5	5	x	x	x	x	x
V	Đồ án tốt nghiệp	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		5	5	5	x	x	x	x	x

B. Chuẩn đầu ra

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

CDR01: Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong học tập và công việc trên cơ sở nắm vững các kiến thức nền tảng chung về triết học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước.

CDR02: Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

CDR03: Chủ động áp dụng các kiến thức khoa học mới, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới vào công việc chuyên môn, chủ động thử nghiệm các giải pháp mới nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia.

1.2. Kiến thức nhóm ngành/ chuyên ngành

CDR04: Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức về văn hóa, văn học Nga, giao tiếp liên văn hóa vào các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn cũng như các hoạt động nghề nghiệp khác.

CDR05: Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong học tập và công việc trên cơ sở nắm vững kiến thức cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, giáo dục học...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn, các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

CDR06: Vận dụng chính xác và hiệu quả kiến thức chuyên sâu về bản chất, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ, các kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn phong để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

Cụ thể:

Kiến thức nhóm ngành/ chuyên ngành:

- Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga) (General Linguistics (Russian))
- Ngôn ngữ - văn hóa học Nga (Russian Culture-linguistics)

- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn (Research - Methodology and Dissertation Writing)
- Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga (Issues in Russian Lexicology)
- Ngữ dụng học tiếng Nga (Russian Pragmatics)
- Văn học Nga (Russian Literature)
- Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga
- Ngữ nghĩa học tiếng Nga (Russian Semantics)

Ngoài ra, học viên có thêm kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Nga.

Kiến thức ngành/ chuyên ngành:

- Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Nga;
- Ngữ pháp tiếng Nga;
- Đối chiếu ngôn ngữ Nga-Việt v.v.;
- Văn học Nga;
- Văn hóa Nga;
- Giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Nga về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, giáo dục v.v.

1.3. Kiến thức ngành/ chuyên ngành

CDR07: Vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ để phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ hay các việc liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ.

CDR08: Nắm vững một cách có hệ thống, hiểu sâu, chính xác và vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên ngành để có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học; có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới v.v.

1.4. Yêu cầu đối với đồ án tốt nghiệp

Đồ án tốt nghiệp trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Nga định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học Nga trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ...

Đề tài của đồ án là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ Nga, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Nga hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Nga của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện đồ án theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của đồ án phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ Nga và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Đồ án thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có khối lượng 9 tín chỉ (khoảng 50 trang A4 hoặc 12.500 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

CDR09: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

CDR10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.

CDR11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nga tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

CDR12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

CDR13: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

2.2. Kỹ năng khác

CDR14: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

CDR15: Khai thác, vận dụng sáng tạo các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CDR16: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;

CDR17: Có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn của mình.

4. Về phẩm chất đạo đức

CDR18: Về phẩm chất đạo đức cá nhân: tự tin, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; sáng tạo, say mê trong công việc.

CDR19: Về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, trách nhiệm và chuyên nghiệp trong công việc; biết ứng xử, hợp tác và cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức phát triển kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp, làm chủ quá trình phát triển chuyên môn, nghề nghiệp của bản thân, biết đặt ra những mục tiêu thiết thực và khả thi cho quá trình phát triển chuyên môn và nghề nghiệp và khả năng được tuyển dụng của bản thân; có hiểu biết về cơ hội phát triển nghề nghiệp trong và ngoài cộng đồng học thuật và nghiên cứu; có khả năng quảng bá bản thân trong quá trình xin việc.

CDR20: Về phẩm chất đạo đức xã hội: xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

5.1. Những vị trí công tác học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nga định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học Nga như chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Nga tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Nga làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Nga và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại

các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện...

5.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nga định hướng ứng dụng có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học Nga như biên dịch tiếng Nga, phiên dịch tiếng Nga, thiết kế ứng dụng dịch máy, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng...

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nga định hướng ứng dụng, học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

7. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo của Viện tiếng Nga Quốc gia LB Nga mang tên Puskin: *Дисциплины, читаемые преподавателями кафедры методики, педагогики и психологии: I. Бакалавриат. II. Магистратура. III. Спецкурсы для магистрантов I курса и слушателей ФПК.*
2. Chương trình đào tạo của Trường ĐH Sư phạm mang tên Hec-xen: *Магистерская программа Психология развития.*
3. Các hướng dẫn, chương trình cùng chuyên ngành và cùng định hướng của các thứ tiếng khác do khoa Sau đại học cung cấp.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung bắt buộc: **04 tín chỉ**

- Khối kiến thức theo nhóm ngành/ chuyên ngành: **27 tín chỉ**

- Bắt buộc: 15 tín chỉ

- Lựa chọn: 12 tín chỉ

- Khối kiến thức theo ngành/ chuyên ngành: **21 tín chỉ**

- Bắt buộc: 09 tín chỉ

- Lựa chọn: 06 tín chỉ

- Thực tập: 06 tín chỉ

- Đồ án tốt nghiệp: **09 tín chỉ**

2. Khung chương trình:

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
33.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành/ chuyên ngành		27				
II.1	Các học phần bắt buộc: 05 học phần		15				
34.	RUS6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nga) <i>(General Linguistics (Russian))</i>	3	45	0	0	PHI5002
35.	RUS6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nga) <i>(Contrastive Linguistics (Russian))</i>	3	45	0	0	
36.	RUS6003	Ngôn ngữ - văn hóa học Nga <i>(Russian Culture-linguistics)</i>	3	45	0	0	
37.	RUS6009	Những vấn đề từ vựng học tiếng Nga <i>(Issues in Russian Lexicology)</i>	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
38.	RUS6022	Những vấn đề cú pháp học tiếng Nga (<i>Russian Syntax issues</i>)	3	45	0	0	
II.2	Các học phần tự chọn: 04 học phần		12/27				
39.	RUS6013	Lý thuyết tiếng Nga (<i>Modern Russian Language</i>)	3	45	0	0	
40.	RUS6015	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Nga) (<i>Sociolinguistics (Russian)</i>)	3	45	0	0	
41.	RUS6016	Các xu thế nghiên cứu ngôn ngữ (tiếng Nga) (<i>Linguistics Research Tendencies (Russian)</i>)	3	45	0	0	
42.	RUS6011	Ngôn ngữ học văn bản tiếng Nga hiện đại (<i>Modern Russian Discourse Analysis</i>)	3	45	0	0	
43.	RUS6017	Những vấn đề cấu tạo từ tiếng Nga (<i>Issues in Russian word formation</i>)	3	45	0	0	
44.	RUS6024	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45	0	0	
45.	RUS6025	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học tiếng Nga (<i>Technology in Russian Teaching</i>)	3	45	0	0	
46.	RUS6012	Văn học Nga (<i>Russian Literature</i>)	3	45	0	0	
47.	RUS6006	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ thuật viết luận văn (<i>Research Methodology and Dissertation Writing</i>)	3	45	0	0	
48.	PSF6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
49.	GLE6001	Giáo dục cách tân (<i>Innovative education</i>)	3	45	0	0	
50.	GLE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
51.	GLE6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Designing Your Life</i>)	3	45	0	0	
III	Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành		15				
III.1	Các học phần bắt buộc: 03 học phần		9				
52.	RUS6010	Ngữ dụng học tiếng Nga (<i>Russian Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
53.	RUS6014	Ngữ nghĩa học tiếng Nga (<i>Russian Semantics</i>)	3	45	0	0	
54.	RUS6023	Những vấn đề văn phong học tiếng Nga (<i>Russian Stylistics issues</i>)	3	45	0	0	
III.2	Các học phần tự chọn: 02 học phần		6/15				
55.	RUS6004	Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại (<i>Modern Foreign Language Teaching Methodology</i>)	3	45	0	0	
56.	RUS6008	Ngôn ngữ học tâm lý (tiếng Nga) (<i>Psycholinguistics (Russian)</i>)	3	45	0	0	
57.	RUS6005	Lý luận sách giáo khoa ngoại ngữ tiếng Nga (<i>Russian Foreign Language Textbook Theory</i>)	3	45	0	0	
58.	RUS6021	Những vấn đề hình thái học tiếng Nga (<i>Issues in Russian morphology</i>)	3	45	0	0	
59.	RUS6026	Câu phức tiếng Nga - Cấu trúc và ngữ nghĩa (<i>Russian Compound Syntaxes - Structure and meaning</i>)	3	45	0	0	

<i>TT</i>	<i>Mã số học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Số giờ tín chỉ</i>			<i>Mã số các học phần tiên quyết</i>
				<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Tự học</i>	
IV	Thực tập		06				
60.	PRL6001	Thực tập 1 (<i>Applied Linguistics in Practice 1</i>)	3				
61.	PRL6002	Thực tập 2 (<i>Applied Linguistics in Practice 2</i>)	3				
V	Học phần tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp (<i>MA Graduation Course/Project</i>)		09				
		Tổng cộng	61				